TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2023
Về việc: "*Ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Nguyễn Tường Bích.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Long Hồ - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 490/2022/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà L, sinh năm 1976.

ĐKTT: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở: ấp M, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông A, bà L có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 13/9/2022 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 20/3/2022, nguyên đơn ông A trình bày như sau:*

Ông và bà L quen biết nhau, tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/3/2009. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó khoảng

tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt, ông và bà L cũng đã ly thân nhau từ đó cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên N, sinh ngày 20/3/2009. Hiện đang sống với bà L, sau ly hôn ông đồng ý để bà L nuôi cháu Nam và cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2023, bà L ý kiến như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất ý kiến với ông A, do tình cảm không còn nữa nên bà đồng ý ly hôn với ông A.

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung tên N, sinh ngày 20/3/2009 và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A đối với bà L. Cho ông A được ly hôn với bà L.

Về con chung: Bà L được nuôi con chung tên N, sinh ngày 20/3/2009 và sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng cháu Nam.

Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án.

Về tài sản chung; nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn cùng yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà L cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/3/2009 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà L được công nhận là hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng đã ly thân nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời bà L để hòa giải cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà L cũng đồng ý ly hôn, cho thấy bà L không còn thiết tha đối với mối quan hệ hôn nhân với ông A, chứng tỏ hôn nhân giữa ông A và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông A yêu cầu ly hôn với bà L là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên N, sinh ngày 20/3/2009. Xét thấy: Từ khi ly thân đến nay con chung đều sống chung với bà L, việc bà L nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, để nhằm ổn định về tinh thần, quyền lợi về mọi mặt của con chung nên để bà L nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu N và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của bà L được HĐXX chấp nhận nhận và ghi nhận ông A cấp dưỡng nuôi con chung cho bà L số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét đến.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông A ly hôn bà L. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 11, ngày 02/3/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Bà L được nuôi con chung N, sinh ngày 20/3/2009. Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Ông A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào biên lai thu số 0010218 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng